

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

### **“V/v cung cấp báo giá hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế”**

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Đồng Xuân có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Đồng Xuân với nội dung cụ thể như sau:

#### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Đồng Xuân
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên : DS. Nguyễn Đức Mạnh

Chức vụ : Nhân viên khoa Dược-TTB-VTTYT

Số điện thoại liên hệ: 0389783875

Địa chỉ Email: [Khoaduoc.ttythdx@gmail.com](mailto:Khoaduoc.ttythdx@gmail.com)

- Cách thức tiếp nhận báo giá:

Tiếp nhận báo giá theo cách thức sau:

- Nhận trực tiếp bản giấy tại địa chỉ : Khoa Dược, 109A Trần Phú, Khu phố Long Thăng, Thị trấn La Hai, Huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Nhà cung cấp có thể gửi trước bản Scan báo giá qua Email: [Khoaduoc.ttythdx@gmail.com](mailto:Khoaduoc.ttythdx@gmail.com)

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 10/ 03 /2025 đến trước 17h ngày 25/ 03 /2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày /03 /2025.

#### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục hàng hóa: Chi tiết đính kèm phụ lục



2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản hóa chất:

- Địa điểm cung cấp: Khoa Dược, 109A Trần Phú, Khu phố Long Thăng, Thị trấn La Hai, Huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Các yêu cầu khác:

+ Bảo đảm cung cấp hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng.

+ Hạn dùng  $\geq 06$  tháng đối với hàng hóa có tuổi thọ từ 01 năm trở lên; 1/4 hạn dùng đối với hàng hóa có tuổi thọ  $\leq 01$  năm kể từ ngày giao nhận hàng.

+ Quý công ty có thể báo giá một hoặc tất cả các phần lô của Yêu cầu báo giá.

+ Nội dung Báo giá đầy đủ theo mẫu đính kèm.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 3 ngày từ khi nhận được đơn hàng

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.

- Thanh toán hợp đồng: Theo phần công việc đã hoàn thành.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không có

Trân trọng thông báo!

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- CNTT(đăng tải lên Website BV)
- Lưu : VT, Dược.

**KT, GIÁM ĐỐC**  
**GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*lky*  
**DƯƠNG THẠCH KỶ**





## Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế

## BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ <sup>(6)</sup>	Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VNĐ)	Thuế, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VNĐ)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VNĐ)
1	Thiết bị A								
2	Thiết bị B								
n	...								

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)



2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngày...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**<sup>(12)</sup>

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

### **Ghi chú:**

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.



(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

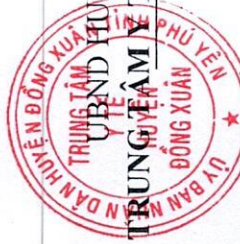
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.









**TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐÔNG XUÂN**

**PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA**

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 15 /TB-TTYT ngày 10 tháng 03 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Đông Xuân)

STT	Tên phân lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Phân lô 1	Máu chuẩn máy huyết học	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng, tan trong nước	ml	12
2	Phân lô 2	<b>Hóa chất dùng cho máy huyết học MEK-6510K gồm có:</b>			
3		Dung dịch pha loãng	Thành phần: -Sodium chloride 3.0 - 5.5 g/L; -Sodium sulphate anhydrous 7.5 - 11.5 g/L; -Buffering agents 1.0 - 3.0 g/L; -Anti fungal&Anti bacterial agent 0.8 - 2.5 g/L	ml	400.000
4		Dung dịch ly giải phá hồng cầu	Thành phần: -Quaternary ammonium salts : < 50 g/L; -Non-ionic surfactant : < 15 g/L; -2-Propanol - 0.1 - 1.5mL/L;	ml	5.000
5		Dung dịch rửa định kỳ máy huyết học	<b>THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT</b> Protealytic enzyme ≤ 0.5 % Buffer ≤ 0.1 % Detergents ≤ 1.0 %	ml	20.000
6		Dung dịch rửa thường xuyên máy huyết học	- <b>THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT</b> + Sodium hypochlorite ≤ 1.0% + Sodium hydroxide ≤ 1.0%	ml	12.000
7	Phân lô 3	<b>Hóa chất dùng cho máy huyết học MEK-1301 (HÁNG NINHON KOHDEN) gồm có:</b>			





STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
8		Dung dịch pha loãng	Thành phần: -Sodium chloride 3.0 - 5.5 g/L; -Sodium sulphate anhydrous 7.5 - 11.5 g/L; -Buffering agents 1.0 - 3.0 g/L; -Anti fungal&Anti bacterial agent 0.8 - 2.5 g/L	ml	180.000
9		Dung dịch ly giải phá hồng cầu	Thành phần: -Quaternary ammonium salts : < 50 g/L; -Non-ionic surfactant : < 15 g/L; -2-Propanol - 0.1 - 1.5ml/L;	ml	12.000
10		Dung dịch rửa định kỳ máy huyết học	THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT Protealitic enzyme $\leq$ 0.5 % Buffer $\leq$ 0.1 % Detergents $\leq$ 1.0 %	ml	5.000
11		Dung dịch rửa thường xuyên máy huyết học	- THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT + Sodium hypochlorite $\leq$ 1.0% + Sodium hydroxide $\leq$ 1.0%	ml	20.000
12	Phần lô 4	<b>Hóa chất dùng cho máy sinh hóa A25 gồm có:</b>			
13		Hóa chất định lượng Glucose trong máu	Dùng để định lượng nồng độ Glucose trong huyết tương và huyết thanh	ml	3.500
14		Hóa chất định lượng Creatinine trong máu	Dùng để định lượng nồng độ Creatinine trong huyết tương và huyết thanh	ml	2.500
15		Hóa chất định lượng SGOT trong máu	Dùng để định lượng nồng độ GOT trong huyết tương và huyết thanh	ml	3.000



STT	Tên phân lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
16		Hóa chất định lượng SGPT trong máu	Dùng để định lượng nồng độ GPT trong huyết tương và huyết thanh	ml	3.000
17		Hóa chất định lượng Cholesterol trong máu	Dùng để định lượng nồng độ Cholesterol trong huyết tương và huyết thanh	ml	3.000
18		Hóa chất định lượng Triglycerides trong máu	Dùng để định lượng nồng độ Triglycerides trong huyết tương và huyết thanh	ml	3.000
19		Hóa chất định lượng Urea trong máu	Dùng để định lượng nồng độ Urea trong huyết tương và huyết thanh	ml	2.500
20		Hóa chất kiểm chuẩn sinh hóa mức 1	Dùng để kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	ml	100
21		Hóa chất kiểm chuẩn sinh hóa mức 2	Dùng để kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	ml	100
22		Hóa chất kiểm chuẩn sinh hóa Calib	Dùng để kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	ml	50
23		Hóa chất rửa hệ thống	Hóa chất rửa máy chuyên dùng rửa hệ thống	ml	1.000
24		Hóa chất định lượng acid Uric trong máu	Dùng để định lượng nồng độ acid Uric trong huyết tương và huyết thanh	ml	1.000
25	Phần lô 5	<b>Hóa chất dùng cho máy điện giải ISE 9180</b>			
26		SnapPak	Hóa chất dùng cho máy điện giải	Bình	8
27		Cleaning Solution	Rửa điện cực	ml	250
28		Cleaning Electrode Conditioner	Điều hòa điện cực	ml	250
29	Phần lô 6	<b>Thiết bị y tế dùng cho máy in kỹ thuật số Konica Drypro Sigma / Drypro Sigma2.</b>			
30		Phim Xquang khô laser 10 x 12 inch	Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO / EC. Thành phần chính : Polyethylene terephthalate 80 - 90%; Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer 1 - 5%; Docosanoic acid, silver (+1) salt 1 - 5%; Cellulose, acetate butanoate < 5%.	Tám	5.000



STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
31		Phim Xquang khô laser 8 x 10 inch	Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO / EC. Thành phần chính : Polyethylene terephthalate 80 - 90%; Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer 1 - 5%; Docosanoic acid, silver (+1) salt 1 - 5%; Cellulose, acetate butanoate < 5%.	Tấm	15.000
32	Phần lô 7	<b>Thiết bị y tế dùng cho máy in kỹ thuật số Trimax TX55</b>			
33		Phim Xquang khô laser 10 x 12 inch	Phim tráng bạc, mật độ hiển thị điểm ảnh cao, lưu trữ dài hạn; áp dụng nhiều loại hình chụp. Phim nền xanh được phủ 1 lớp bằng polyester màu xanh lam, khoảng 7mil. Hình ảnh film in ra với chuẩn Dmax 3.0. Phim nhũ ảnh: 3.6 Dmax with TXE CE, ISO	Tấm	1.000
34		Phim Xquang khô laser 8 x 10 inch	Phim tráng bạc, mật độ hiển thị điểm ảnh cao, lưu trữ dài hạn; áp dụng nhiều loại hình chụp. Phim nền xanh được phủ 1 lớp bằng polyester màu xanh lam, khoảng 7mil. Hình ảnh film in ra với chuẩn Dmax 3.0. Phim nhũ ảnh: 3.6 Dmax with TXE CE, ISO	Tấm	4.000
35	Phần lô 8	Reaction Rotors	Vật liệu: Nhựa methacrylate, dùng được cho máy sinh hóa	Cái	40
36	Phần lô 9	Anti A	Có giấy phép (visa) lưu hành; Dùng xét nghiệm	ml	120
37	Phần lô 10	Anti AB	Có giấy phép (visa) lưu hành; Dùng xét nghiệm	ml	120
38	Phần lô 11	Anti B	Có giấy phép (visa) lưu hành; Dùng xét nghiệm	ml	120
39	Phần lô 12	Anti D	Có giấy phép (visa) lưu hành; Dùng xét nghiệm	ml	120
40	Phần lô 13	Bộ thuốc nhuộm	Dùng xét nghiệm vi khuẩn lao ( Dung dịch Fuchsin, Cồn acid HCl, xanh Methylen ).	ml	200
41	Phần lô 14	Giêm sa	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa.	ml	2.000



STT	Tên phân lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
42	Phân lô 15	Viên khử khuẩn	Dùng để khử khuẩn dụng cụ, khử khuẩn thiết bị y tế và khử khuẩn bề mặt. Thành phần: 50% w/w Sodium Dichloroisocyanurate (2,5 gram Sodium Dichloroisocyanurate/ viên 5 gram - tương đương với 1,5 gram Clorin hoạt tính/ viên 5 gram)	viên	1.000
43	Phân lô 16	Gel siêu âm	Gel siêu âm phù hợp tần số siêu âm đang sử dụng, phù hợp điện cực máy điện tim, điện não. Dùng trong siêu âm chuẩn đoán hình ảnh	lít	150
44	Phân lô 17	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C (HCV)	Test xét nghiệm phát hiện sự hiện diện của kháng thể viêm gan C trên mẫu huyết thanh/huyết tương. Thời gian 10 phút. Độ nhạy: 99,76%. Độ đặc hiệu: 99,59%.	Test	600
45	Phân lô 18	Que thử nước tiểu	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que	2.000
46	Phân lô 19	Test thử đường huyết	Công nghệ: Cảm biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD) Chuẩn định kết quả: Tương đương huyết tương Thời gian đo: 10- 15 giây Lượng mẫu tối thiểu: 0.5 µL Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch Phạm vi HCT: 25 - 60% Khoảng đo đường huyết: 1.1 - 33.3mmol/L (20 - 600mg/dL)	Test	3.000
47	Phân lô 20	Test thử ma túy 5 trong 1	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + Amphetamine: 1000 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml + Codeine Độ nhạy: >=99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6%	Test	2.000



STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
48	Phần lô 21	Test nhanh chẩn đoán HIV	Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 99,75%. Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút.	Test	600
49	Phần lô 22	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B, HBsAg	Độ nhạy: > 99% - Độ đặc hiệu: 99,75%.	Test	800
50	Phần lô 23	Test chẩn đoán sốt xuất huyết, NS1	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Hoạt chất chính: Các kháng thể đơn dòng kháng Dengue NS1. Độ nhạy tương quan: 100%. Độ đặc hiệu tương quan: 98,75%. Độ chính xác tương quan: 99,0%. Nguồn phát hiện (LoD): 0.25 ng/mL. Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HBsAg, H. Pylori Ab, TB, HIV Ab, HAV Ab, HCV, RF, CMV, Malaria Ab, HSV-1, HSV-2. Không bị gây nhiễu bởi Hemoglobin ở nồng độ 0,67-2 g/L và IgG người ở nồng độ 333-1.000 mg/dL	Test	2.000
51	Phần lô 24	Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml, nắp nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là EDTA K2, kháng đông cho 2ml máu. Đạt tiêu chuẩn ISO	Ống	20.000
52	Phần lô 25	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml, nắp nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là Heparin Lithium kháng đông cho 2ml máu. Đạt tiêu chuẩn ISO	Ống	15.000
53	Phần lô 26	Ống nghiệm nhựa 5ml	Thế tích chứa mẫu: 5ml, có nắp, Chất liệu: nhựa dùng trong	Ống	4.000
54	Phần lô 27	Lọ đựng bệnh phẩm	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml có nắp, có nhãn.	Lọ	4.000
55	Phần lô 28	Ống Cryo	Dùng tách huyết thanh gửi mẫu sốt xuất huyết. Chất liệu: nhựa dùng trong y tế.	Ống	100



STT	Tên phân lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
56	Phân lô 29	Đầu col vàng	Dùng hút hóa chất. Chất liệu: nhựa dùng trong y tế.	Cái	4.000
57	Phân lô 30	Đầu col xanh	Dùng hút hóa chất. Chất liệu: nhựa dùng trong y tế.	Cái	6.000
58	Phân lô 31	Nước cất	Nước tinh khiết, không chứa các tạp chất, vi khuẩn hay khoáng chất. Dùng trong y tế	ml	500.000
59	Phân lô 32	Bông thấm nước	Bông y tế thấm nước, thành phần: 100% sợi cotton từ bông xơ tự nhiên. Khả năng thấm hút cao và nhanh, mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da, bông trắng và sạch, không đổ bụi, vô trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO - Đã tiệt trùng bằng khí EO.	Kg	240
60	Phân lô 33	Gạc hút nước	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Tây trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Tốc độ hút nước $\leq 5$ giây. Độ ngậm nước $\geq 5$ gr nước/1gr gạc. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$ , khổ 0.8m, 2 mét/lớn	Mét	5.000
61	Phân lô 34	Gạc phẫu thuật ổ bụng	Sản phẩm gạc phẫu thuật ổ bụng có nguyên liệu từ gạc hút nước 100% cotton, được sử dụng để thấm máu, chèn nội tạng trong phẫu thuật ổ bụng, vô trùng cán quan. 30cm x 40cm x 6 lớp	Miếng	4.000
62	Phân lô 35	Băng bột bó xương	Bột liên gạc, lõi nhựa, vỏ là giấy bạc chống ẩm, gạc:100% cotton, cuộn 10cm x 4,6m - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cuộn	600
63	Phân lô 36	Băng bột bó xương	Bột liên gạc, lõi nhựa, vỏ là giấy bạc chống ẩm, gạc:100% cotton, cuộn 15cm x 4,6m - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cuộn	200



STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	DVT	Số lượng
64	Phần lô 37	Băng keo lụa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước 2.5cm x 5m</li> <li>- Chất liệu vải lụa màu trắng</li> <li>- Keo không dùng dung môi, dính tốt, không gây dị ứng, dễ xé</li> </ul>	cuộn	800
65	Phần lô 38	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	100
66	Phần lô 39	Bơm tiêm 10ml	Dung tích 10ml kèm kim 23G, 25G. Piston và xy lanh, ốc kim, nắp đậy đầu kim được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng. Thân kim được làm từ thép không gỉ có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Pítton di chuyển dễ dàng trong xilanh	Cái	30.000
67	Phần lô 40	Bơm tiêm 5ml	Dung tích 5ml kèm kim 23G, 25G. Piston và xy lanh, ốc kim, nắp đậy đầu kim được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng. Thân kim được làm từ thép không gỉ có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Pítton di chuyển dễ dàng trong	Cái	50.000
68	Phần lô 41	Bộ rửa dạ dày	Làm từ mù cao su tự nhiên, đóng gói riêng lẻ trong tương tử, đạt tiêu chuẩn ISO. Số 24, 26, 28	Bộ	10
69	Phần lô 42	Kim châm cứu	Kim làm từ thép chuyên dụng, không gỉ, dẫn điện. Thân kim nhỏ và tay cầm chắc chắn. Được đóng vỉ riêng biệt, tiết trùng bằng ETO. Số 2,4,5,10	Cây	160.000
70	Phần lô 43	Kim đẩy chi vô trùng	Kim châm cứu đẩy chi vô trùng dùng một lần, Dùng để đẩy chi vào các huyết vị trên cơ thể người. Thân kim được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, ốc kim được cuốn bằng thép, các vòng quấn tròn đều, không có gò rập. 0.30x33mm, 0.35x45mm	Cây	15.000



STT	Tên phân lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
71	Phân lô 44	Kim chọc dò, gây tê tuỷ sống	<p>-Đầu kim với thiết kế đầu Quinke 3 mặt vát, sắc bén</p> <p>-Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra, có nhiều rãnh chắc chắn, dễ cầm ngay cả khi đeo găng ướt</p> <p>-Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim</p> <p>Số 25, 27</p>	Cái	500
72	Phân lô 45	Kim luồn tĩnh mạch an toàn các số	Có đầu bảo vệ bằng nhựa cứng, có cánh, có cửa, thép không gỉ, polypropylene, polyacetal. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Cái	2.000
73	Phân lô 46	Dây truyền dịch các cỡ, kim cánh bướm	Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Dung cho túi và chai truyền dịch 10/15/20/60 giọt = $1 \pm 0.1$ ml. Bầu cao su tiếp thuốc. Van khoá điều chỉnh và kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Kim 23G. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gấp khi bảo quản và sử dụng. Kẹp con lăn. Vô trùng	Sợi	4.000
74	Phân lô 47	Dây Oxy 2 nhánh sơ sinh, trẻ em, người lớn	Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO	Sợi	1.000
75	Phân lô 48	Chi không tiêu đơn sợi 3/0, kim tam giác	Chi không tiêu đơn sợi polyamide 6 - 6.6 (Nylon) màu xanh dương 4/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 20mm đến 26mm, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ	Tép	1.500
76	Phân lô 49	Chi không tiêu đơn sợi 4/0, kim tam giác	Chi không tiêu đơn sợi polyamide 6 - 6.6 (Nylon) màu xanh dương 4/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 18, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon.	Tép	500
77	Phân lô 50	Chi Polyglycolic acid số 1, kim tròn	Chi phẫu thuật Polyglycolic acid số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C. Chi được bao phủ bởi lớp Polycaprolactone và Calcium Stearate. Kim phủ Silicon và làm bằng chất liệu thép AISI 420. Thời gian tiêu hoàn toàn từ 60-90 ngày; Sức căng còn 75% sau 14 ngày; 50% sau 21 ngày.	Sợi	400



STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
78	Phần lô 51	Chi Polyglycolic acid số 2/0, kim tròn	Chi phẫu thuật Polyglycolic acid số 2/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C. Chi được bao phủ bởi lớp Polycaprolactone và Calcium Stearate. Kim phủ Silicon và làm bằng chất liệu thép AISI 420. Thời gian tiêu hoàn toàn từ 60-90 ngày; Sức căng còn 75% sau 14 ngày; 50% sau 21 ngày.	Sợi	400
79	Phần lô 52	Chi tan chậm tự nhiên số 2/0, kim tròn	Chi tiêu thiên nhiên Collagen tinh khiết, đơn sợi, 2/0 kim tròn 1/2 chiều dài chi 75cm, chiều dài kim 26, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày. Tan hoàn toàn sau 90 ngày. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn	Tép	800
80	Phần lô 53	Chi tan chậm tự nhiên số 4/0, kim tròn	Chi tiêu thiên nhiên Collagen tinh khiết, đơn sợi, 4/0 kim tròn 1/2 chiều dài chi 75cm, chiều dài kim 26, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày. Tan hoàn toàn sau 90 ngày. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn	Tép	300
81	Phần lô 54	Găng tay khám bệnh	- Size S,M,L, chiều dài : 240±5mm - Có phủ bột chống dính - Sản xuất từ cao su (latex) thiên nhiên, mềm mại, độ bền cao	Đôi	50.000
82	Phần lô 55	Găng tay vô khuẩn	SIZE 0,5,7,7,5,8, được làm bằng cao su thiên nhiên, có phủ bột, tiệt trùng bằng khí E.O, không gây dị ứng, xe viên cổ tay.	Đôi	10.000
83	Phần lô 56	Dây garo	Được làm từ thun cotton, có gai dán	Sợi	100
84	Huyết áp người lớn	-Đồng hồ: 20 ~ 300mmHg; - Độ chính xác: +/- : 3mmHg - Hệ thống hơi: Túi vải với túi hơi cao su; - Quả bóp và Van dùng đo huyết áp cho người lớn	Cái	25	



STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
85	Phần lô 58	Huyết áp ké nhi	-Đồng hồ: 20 ~ 300mmHg; - Độ chính xác: +/- : 3mmHg - Hệ thống hơi: Túi vải với túi hơi cao su; - Quả bóp và Van dùng đo huyết áp cho trẻ em	Cái	5
86	Phần lô 59	Kim tiêm tiết trùng	Kim các số G16, G18, G23, Vi dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiết trùng EN, ISO	Cái	20.000
87	Phần lô 60	Ống hút điều kinh	Các số: 4, 6, 8. Được tiết trùng bằng khí E.O. Sản xuất bằng nhựa PVC. Ống nhựa trong, mềm dẻo. Đầu hút trơn láng không bavia. HSD > 48 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	100
88	Phần lô 61	Giấy đo điện tim 3 cần	Giấy điện tim Innomed G-80,BTS-310, New Tech 3105B, Edan SE-3, Suzuken Cardico 306 (sọc đỏ) 80mm x 20m	Cuộn	100
89	Phần lô 62	Giấy đo điện tim 6 cần	Làm bằng giấy, đường kẻ rõ ràng, size 110x140x143	Xấp	150
90	Phần lô 63	Mặt nạ thở khí dung người lớn, trẻ em	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Dây dẫn có chiều dài $\geq 2.1$ m, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí hít thở và mũi bệnh nhân. Dây chun có định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao.Các cỡ: S, M, L, XL.	Cái	300
91	Phần lô 64	Nhiệt ké	Nhiệt ké thủy ngân, Dài đo: 35 °C -42°C	Cái	100
92	Phần lô 65	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	500
93	Phần lô 66	Que đê lưới gỗ	Được chế từ gỗ cây, thớ mịn, đồng nhất, không cong vênh, gỗ được hấp chín	Que	30.000



STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	DVT	Số lượng
94	Phần lô 67	Dây châm cứu điện châm	Dây dẫn điện có vỏ bọc cách điện 2 đầu ra gồm kẹp cá sấu bằng kim loại	Dây	50
95	Phần lô 68	Nẹp cổ cứng	Làm từ chất liệu Ethylene Vinyl Acetate, khóa Velcro, mềm và nhẹ, sản phẩm có những lỗ nhỏ giúp thoáng khí khi sử dụng. Size L, M, S, XS, XXXS	Cái	30
96	Phần lô 69	Nẹp cổ mềm	Được làm từ nút xốp mềm, nhẹ, thoáng khí và vải cotton	Cái	30
97	Phần lô 70	Dai Desault ( trái, phải)	Dai dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng. Số 6, 7, 8	Cái	50
98	Phần lô 71	Dai xương đòn	Dai dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng. Số 6, 7, 8	Cái	50
99	Phần lô 72	Kim nha khoa	Thiết kế sắc nét với ba cạnh, ống thông cường độ cao khó bị vỡ. Mũi kim có cấu tạo từ inox không gỉ, kháng khuẩn đảm bảo độ an toàn tuyệt đối, số 25, 27	Cái	200
100	Phần lô 73	Ống thông dạ dày	Chất liệu nhựa PVC, số 16	Sợi	20
101	Phần lô 74	Ống thông hậu môn	Chất liệu nhựa PVC, số 26, 28	Sợi	20
102	Phần lô 75	Túi máu đơn	Chứa dung dịch chống đông CPD; CPDA-1, dung dịch bảo quản hồng cầu SAGM; AS-5, MAP, bảo đảm vô trùng. Làm bằng chất liệu nhựa sử dụng trong y tế. Dung tích 250ml	Túi	10

**Tổng cộng: 75 phần lô**